



**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

---

**Tháng 3 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07 - 08
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

006  
CÔ  
CH N  
KIẾ  
AN  
TR

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**Chủ tịch và Ban Giám đốc**

Chủ tịch và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đào Duy Hưng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ông Vũ Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

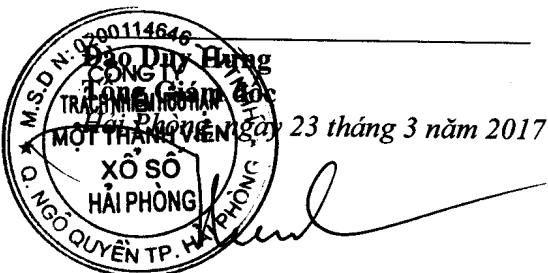
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Số: 56 /2017/KT-AV3-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 23/3/2017, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 4.14 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại đó mô tả việc Công ty chưa được chủ sở hữu góp đủ vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Vũ Hoài Quân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1436-2015-055-1

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

*Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017*

**Lại Thị Hằng**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2612-2015-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mẫu số B01 - XS  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>45.302.748.988</b> ✓	<b>45.195.218.695</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.470.233.470</b> ✓	<b>6.720.801.472</b>
1. Tiền	111	6	2.249.759.891	1.594.864.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.220.473.579	5.125.937.423
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>28.030.879.611</b> ✓	<b>26.551.555.823</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.1	28.030.879.611	26.551.555.823
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>7.919.792.805</b> ✓	<b>9.634.553.031</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	245.444.525	373.534.125
2. Trả trước cho người bán	132		877.600.000	877.600.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		5.429.929.030	6.854.180.657
4. Các khoản phải thu khác	135	8.1	1.366.819.250	1.529.238.249
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>832.406.019</b> ✓	<b>635.329.979</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	832.406.019	635.329.979
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.049.437.083</b> ✓	<b>1.652.978.390</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.1	388.799.717	603.808.689
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	15.2	975.182.432	313.714.767
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	685.454.934	735.454.934
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.615.202.915</b> ✓	<b>33.346.617.688</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.000.000</b> ✓	<b>15.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	8.2	15.000.000	15.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.845.863.242</b> ✓	<b>27.990.903.314</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	26.845.981.081	27.009.657.517
- Nguyên giá	222		34.169.894.196	33.207.356.128
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.323.913.115)	(6.197.698.611)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		158.710.500	158.710.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.710.500)	(158.710.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	999.882.161	981.245.797
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.664.351.166</b> ✓	<b>5.275.210.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	5.2	5.851.021.582	5.851.021.582
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.3	(4.186.670.416)	(575.811.582)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>89.988.507</b> ✓	<b>65.504.374</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.2	89.988.507	65.504.374
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>74.917.951.903</b> ✓	<b>78.541.836.383</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mẫu số B01 - XS  
Đơn vị tính: VND

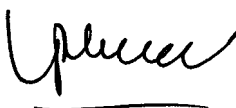
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.856.833.547</b> ✓	<b>9.868.435.632</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.791.393.897</b> ✓	<b>9.802.685.982</b>
1. Phải trả người bán	312	14	363.044.247	1.633.857.189
2. Người mua trả tiền trước	313		421.753.435	39.703.550
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15.1	117.367.018	1.423.839.920
4. Phải trả người lao động	315		1.231.668.256	1.100.088.563
5. Chi phí phải trả	316	16	34.226.364	929.291.855
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17.1	4.554.338.598	3.923.613.130
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	18	1.064.000.000	-
8. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	19	-	746.095.796
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.995.979	6.195.979
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65.439.650</b> ✓	<b>65.749.650</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	17.2	65.439.650	65.749.650
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>67.061.118.356</b> ✓	<b>68.673.400.751</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	72.194.184.216	70.332.184.216
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	(5.212.043.547)	(2.667.761.152)
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	20	78.977.687	1.008.977.687
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>74.917.951.903</b> ✓	<b>78.541.836.383</b>

Người lập biểu



Lê Thu Hương

Kế toán trưởng



Lê Văn Phúc

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc


  
 Đào Duy Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2016**

Mẫu số B02 - XS  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016		Năm 2015	
<b>1. Doanh thu (01=01.1+01.2)</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>91.085.529.107</b> ✓		<b>89.314.119.090</b> ✓	
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		90.899.007.270		89.121.855.454	
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		33.856.481.816		30.868.772.728	
1.1.2. Xổ số bốc	01.1.3		1.892.522.726		1.865.421.819	
1.1.3. Xổ số lô tô	01.1.4		51.975.102.732		54.933.519.997	
1.1.4. Xổ số lô tô cặp	01.1.6		3.174.899.996		1.454.140.910	
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		186.521.837		192.263.636	
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu (02=02.1)</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>11.856.392.260</b> ✓		<b>11.624.589.850</b> ✓	
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		11.856.392.260		11.624.589.850	
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		4.416.062.846		4.026.361.659	
2.1.2. Xổ số bốc	02.1.3		246.850.793		243.315.883	
2.1.3. Xổ số lô tô	02.1.4		6.779.361.231		7.165.241.749	
2.1.4. Xổ số lô tô cặp	02.1.6		414.117.390		189.670.559	
<b>3. Doanh thu thuần (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>79.229.136.847</b> ✓		<b>77.689.529.240</b> ✓	
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		79.042.615.010		77.497.265.604	
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		29.440.418.970		26.842.411.069	
3.1.2. Xổ số bốc	10.1.3		1.645.671.933		1.622.105.936	
3.1.3. Xổ số lô tô	10.1.4		45.195.741.501		47.768.278.248	
3.1.4. Xổ số lô tô cặp	10.1.6		2.760.782.606		1.264.470.351	
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		186.521.837		192.263.636	
<b>4. Chi phí kinh doanh (11=11.1)</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	✓ <b>77.652.345.663</b> ✓		<b>76.006.818.337</b> ✓	
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		77.652.345.663		76.006.818.337	
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		50.005.418.669		47.275.651.249	
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		27.646.926.994		28.731.167.088	
<b>5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)</b>	<b>20</b>		✓ <b>1.576.791.184</b> ✓		<b>1.682.710.903</b> ✓	
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số (20.1=10.1-11.1)	20.1		1.390.269.347		1.490.447.267	
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác (20.2=10.2)	20.2		186.521.837		192.263.636	
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	<b>23</b>	<b>2.424.032.847</b> ✓		<b>2.235.301.674</b> ✓	
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>	<b>24</b>	<b>3.611.857.606</b> ✓		<b>1.373.360.798</b>	
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-		1.883.049.202	
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	<b>24</b>		-		-	
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>25</b>	✓ <b>2.933.350.774</b> ✓		<b>1.525.974.648</b>	
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(2.544.384.349)</b> ✓		<b>(1.018.677.131)</b>	
<b>11. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>101.954</b> ✓		<b>8.611.296</b> ✓	
<b>12. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		-		<b>14.531.040</b> ✓	
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>101.954</b> ✓		<b>(5.919.744)</b> ✓	

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**  
**Năm 2016**

Mẫu số B02 - XS  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2016	2015
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.544.282.395) ✓	1.012.757.387
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	9.969.825.866
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(2.544.282.395) ✓	1.012.757.387

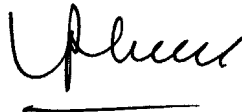
9.969.825.866

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng







Tổng Giám đốc

Lê Thu Hương

Lê Văn Phúc

Đào Duy Hưng

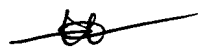
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2016

Mẫu số B03 - XS  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2016	2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.544.282.395)✓	1.012.757.387
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11	1.126.214.504	1.042.815.042
- Các khoản dự phòng	03		3.928.763.038	1.985.724.532
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(2.334.451.847)	(2.158.830.999)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		176.243.300	1.882.465.962
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.155.761.060	1.414.617.394
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(197.076.040)	(57.897.932)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.329.506.289)	(3.424.811.162)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		190.524.839	(100.602.347)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	-	(129.284.399)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.005.253.130)	(415.512.484)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	11, 12	(981.174.432)	(4.632.276.714)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(28.030.879.611)	(26.551.555.823)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.551.555.823✓	30.752.111.111
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.283.183.348✓	2.126.791.643
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(177.314.872)	1.695.070.217
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20	932.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		932.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(250.568.002)	1.279.557.733
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.720.801.472✓	5.441.243.739
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70		6.470.233.470✓	6.720.801.472

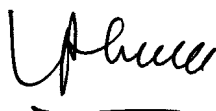
Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2016.

Người lập biểu



Lê Thu Hương

Kế toán trưởng



Lê Văn Phúc

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đào Duy Hưng